

NHU CẦU ĐẾN ĐỊA ĐIỂM DU LỊCH THỂ THAO VÀ GIẢI TRÍ CỦA GIẢNG VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. Phạm Xích Nam, TS. Lê Tấn Phát

Khoa Khoa học thể thao - Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Email: phamxichnam@tdtu.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh áp lực nghề nghiệp ngày càng tăng đối với GV đại học (ĐH), nhu cầu tham gia các hoạt động giúp phục hồi thể chất và tinh thần đang trở nên cấp thiết. Nghiên cứu này tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định quay lại các điểm đến du lịch thể thao và giải trí (DLTT>) của đội ngũ GV tại một số trường ĐH trên địa bàn TP.HCM, một nhóm đối tượng đặc thù có nền tảng học vấn cao và mức độ nhận thức về chất lượng cuộc sống rõ nét. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi cấu trúc áp dụng thang đo Likert 5 mức độ và xử lý với các kỹ thuật thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính đa biến nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc là “ý định quay lại”. Mẫu nghiên cứu bao gồm 355 giảng viên, được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện có kiểm soát yếu tố nghề nghiệp và kinh nghiệm du lịch. Kết quả chỉ ra rằng đa phần GV tham gia nghiên cứu lần đầu đến địa điểm DLTT>, và yếu tố mục đích thư giãn chiếm ưu thế rõ rệt. Ý định quay lại có xu hướng tích cực hơn ở những cá nhân có trình độ học vấn cao và sinh sống tại các khu vực trung tâm. Từ đó, nghiên cứu làm rõ tiềm năng phát triển của phân khúc khách hàng trí thức trong lĩnh vực DLTT>, đồng thời gợi mở định hướng chiến lược cho công tác tiếp thị điểm đến và thiết kế sản phẩm du lịch phù hợp.

Từ khóa: Du lịch thể thao, giải trí, điểm đến, giảng viên

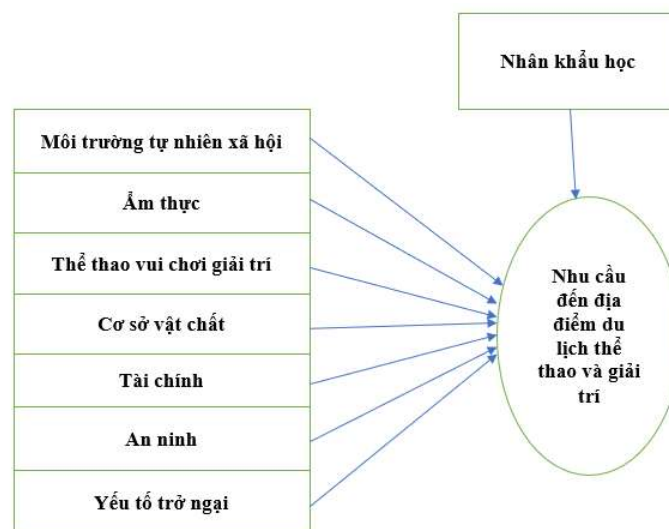
Abstract: In the context of increasing occupational pressure faced by university lecturers, the demand for activities that support physical and mental rejuvenation has become critical. This study investigates the factors influencing the revisit intention to sports and recreational tourism destinations among university lecturers in Ho Chi Minh City—a distinct demographic with high academic attainment and well-defined quality-of-life expectations. Employing a quantitative research approach, data were collected through structured questionnaires based on a five-point Likert scale. Measurement items were adapted and validated from previous empirical studies. Descriptive statistics, Cronbach's Alpha reliability analysis, Exploratory Factor Analysis (EFA), and multiple linear regression were applied to assess the influence of independent variables on the dependent variable—revisit intention. A total of 355 valid responses were obtained through purposive convenience sampling, targeting lecturers with prior experience in sports and recreational tourism. The findings reveal that the majority of participants were first-time visitors, with relaxation being the predominant motivation. Revisit intention was found to be more pronounced among those with higher academic qualifications and those residing in central urban districts. These insights highlight the potential of targeting the intellectual segment in sports and recreational tourism and suggest strategic directions for destination marketing and product development tailored to their specific needs.

Keywords: Sports tourism, recreation, destination, university lecturers

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh áp lực nghề nghiệp và cường độ lao động gia tăng, nhu cầu phục hồi thể chất và tinh thần thông qua các hoạt động DLTT> ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt đối với GVĐH- lực lượng lao động trí thức chủ chốt trong hệ thống giáo dục. TP.HCM hiện có trên 26.000 GV đang công tác tại các cơ sở giáo dục đại học, với nền tảng học thuật cao, mức sống ổn định, là nhóm đối tượng có tiềm năng lớn đối với thị trường du lịch cao cấp. Tuy nhiên, hiện nay vẫn thiếu vắng các nghiên cứu định lượng chuyên sâu về nhu cầu GV đối với loại hình DLTT>. Việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi quay lại điểm đến của nhóm này không chỉ có ý nghĩa trong phát triển sản phẩm du lịch phù hợp, mà còn giúp cải thiện chính sách chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp cho đội ngũ lao động trí thức. Trên cơ sở đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu quay lại địa điểm DLTT> của GV tại một số trường ĐH ở TP.HCM, từ đó đưa ra hàm ý quản trị điểm đến và phát triển chính sách phúc lợi phù hợp trong bối cảnh đổi mới giáo dục ĐH hiện nay.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp định lượng, nhằm khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định quay lại DLTT> của GV ĐH tại TP.HCM. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi cấu trúc, sử dụng thang đo Likert 5 điểm (từ 1 = Rất không đồng ý đến 5 = Rất đồng ý), với các biến được kế thừa và điều chỉnh từ các nghiên cứu thực nghiệm trước. Đối tượng khảo sát là GV đang công tác tại các trường ĐH trên địa bàn TP.HCM, được chọn bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện có kiểm soát điều kiện nghề nghiệp và thời gian trải nghiệm du lịch thể thao trước đó. Tổng số mẫu hợp lệ được thu thập là 355 bảng hỏi. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS với các kỹ thuật phân tích bao gồm: thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) để rút gọn và xác định cấu trúc thang đo, và phân tích hồi quy đa biến nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố độc lập đến biến phụ thuộc là ý định quay lại. Việc lựa chọn phương pháp này giúp bảo đảm tính khách quan và khả năng khái quát của kết quả nghiên cứu trong bối cảnh thực tiễn hiện nay.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

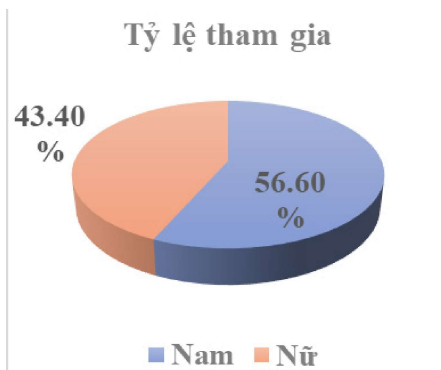
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Phân tích nhân khẩu học

Bảng 1. Địa điểm khảo sát

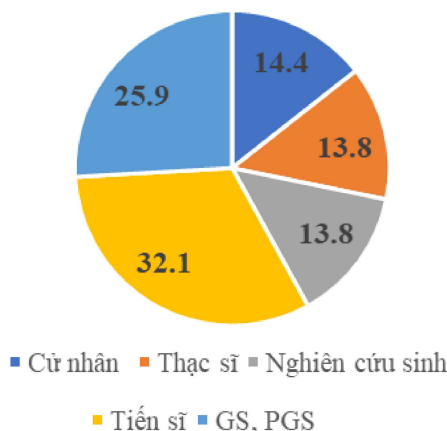
TT	TRƯỜNG	HÌNH THỨC	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	ĐH Tôn Đức Thắng	Tự chủ	67	19
2	ĐH Kinh Tế TP.HCM	Tự chủ	63	18
3	ĐH Sài Gòn	Công lập	75	21
4	ĐH Tài chính Marketing	Công lập	44	12
5	ĐH Văn Hiến	Tư thục	59	17
6	ĐH Văn Lang	Tư thục	47	13

Tác giả tiến hành khảo sát tại 6 trường ĐH trên địa bàn TP.HCM, phân bổ đều theo ba loại hình sở hữu gồm: trường công lập tự chủ tài chính, trường công lập và tư thục. Kết quả phân tích (Bảng 1) cho thấy nhóm trường công lập tự chủ có tỷ lệ GV tham gia hoạt động du lịch thể thao giải trí cao nhất, chiếm 36,6% tổng số người tham gia, vượt trội so với hai nhóm còn lại. Trường ĐH Sài Gòn ghi nhận tỷ lệ tham gia cao nhất ở mức 21%, trong khi ĐH Tài chính Marketing thấp nhất với 12%. Sự khác biệt này cho thấy khả năng tồn tại mối quan hệ giữa mô hình quản trị ĐH và mức độ tham gia của GV vào các hoạt động ngoài chuyên môn, qua đó phản ánh chiều sâu của văn hóa tổ chức và chính sách phúc lợi nội bộ từng đơn vị.



Biểu đồ 1.

Tỷ lệ Nam nữ trong nghiên cứu



Biểu đồ 2. Trình độ của đối tượng nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy, số lượng du khách nam là 201 người tới địa điểm DLTT> (chiếm 56.6%), nữ là 154 người tương đương với tỷ lệ 43.4%. Từ đó cho thấy có sự chênh lệch giữa khách nam và nữ, tỷ lệ nam đến địa điểm DLTT> nhiều hơn nữ, tỷ lệ này cũng đúng với thực tế vì đi đến địa điểm DLTT> đòi hỏi phải có tính phiêu lưu, sức mạnh, khám phá cái mới rất phù hợp với bản chất của nam giới.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm GV từ 25–30 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (30,7%) trong tổng số 355 người tham gia, phản ánh nhu cầu cao từ nhóm tuổi trẻ. Trong khi đó, chỉ 2,8% GV trên 60 tuổi tham gia hoạt động DLTT>. Về nơi cư trú, GV tại Thành phố Thủ Đức chiếm ưu thế với 235 người (66,2%), cao hơn rõ rệt so với các khu vực khác. Các nhóm còn lại gồm GV ở quận trung tâm (11,8%), quận nội thành (9,6%), huyện ngoại thành (9,3%) và các tỉnh chỉ chiếm 1,1%. Phân bố này phản ánh xu hướng tập trung nhu cầu du lịch giải trí vào khu vực đô thị hóa cao.

Theo biểu đồ 2. Phân bố kết quả đưa ra, tỷ lệ GV có trình độ học vấn cử nhân là 14.4%, tỷ lệ Thạc sĩ là 13.8%, tỷ lệ du GV đang nghiên cứu sinh là 13.8%. Tỷ lệ tiến sĩ cao nhất trong 5 nhóm nghiên cứu là 32.1% và kể đến là tỷ lệ Giáo sư và Phó giáo sư chiếm 25.9%. Từ kết quả nghiên cứu này ta thấy tỷ lệ GV càng có trình độ học vấn cao thì ý định quay trở lại điểm đến địa điểm DLTT> càng cao.

Khi được hỏi về số lần đến địa điểm DLTT> trong những năm vừa qua, câu trả lời chiếm đa số trong tổng mẫu nghiên cứu (355 người) thì có tới 265 người trả lời đây là lần đầu tiên đến địa điểm DLTT> (chiếm 74.6%). Kết quả thống kê cho thấy 11.8% GV đến địa điểm DLTT> lần thứ 2, số GV đến lần thứ 3 là 5.4% và số GV đến 3 lần trở lên là 8.2%. Điều này phản ánh một thực tế các địa điểm DLTT> đã và đang làm rất tốt công tác thu hút đội ngũ giảng viên, tuy nhiên lại chưa thực sự chú trọng việc giữ chân và khuyến khích tầng lớp trí thức này quay trở lại đến địa điểm DLTT>. Số lượng GV quay trở lại chiếm tỷ lệ rất thấp.

Kết quả nghiên cứu về mục đích đến địa điểm DLTT>, ta thấy tỷ lệ GV đến địa điểm DLTT> chiếm đa số đến để thư giãn, nghỉ ngơi có tỷ lệ 80.6%, đứng thứ 2 là đi với gia đình (7.9%) và cuối cùng là tới đến địa điểm DLTT> để đi chơi cùng bạn bè đồng nghiệp và các lý do khác. Từ kết quả này ta thấy địa điểm DLTT> có những điểm hấp dẫn nên đã thu hút đối tượng nghiên cứu đến để thư giãn và vui chơi giải trí.

2. Môi trường tự nhiên và xã hội

Các nhóm nhân tố môi trường tự nhiên và xã hội nhằm mục đích đo lường sự đánh giá của GV đối với các khía cạnh tự nhiên của điểm đến DLTT> có nhiều cảnh thiên nhiên đẹp như công viên, sông ngòi, có nhiều cây xanh, thời tiết thì hài hòa, có bầu không khí thư giãn, thoải mái, và hệ thống giao thông điểm đến DLTT> thì sạch sẽ và gọn gàng. Để đánh giá các yếu tố này, có 5 nhân tố trong biến này. Giá trị trung bình trong khoảng [2.76 - 3.59]. Đặc biệt, GV rất hài lòng với DLTT> có nhiều phong cảnh xanh (trung bình = 3.59) và thời tiết thì hài hòa (trung bình = 3.58). Điều này cũng phản ánh một trong những thế mạnh của môi trường tự nhiên ở điểm đến DLTT>. Nói chung, du khách chưa hài lòng với hầu hết các khía cạnh của môi trường tự nhiên ở điểm đến DLTT> tại TP.HCM, bảng dưới đây cho thấy các thống kê mô tả của môi trường tự nhiên.

Bảng 2. Môi trường tự nhiên và xã hội

	Biến QS	N	Min	Max	Mean	Std.Dev.
Môi trường	NANEN1	355	1	5	3.58	1.012
	NANEN2	355	1	5	3.59	1.038
Tự nhiên	NANEN3	355	1	5	3.41	1.000
Và xã hội	NANEN4	355	1	5	2.76	1.108
	NANEN5	355	1	5	2.79	1.131

3. Ẩm thực điểm đến

Bốn biến của ẩm thực phục vụ ở khu DLTT> đánh giá xác định giá trị của GV về thực phẩm điểm đến ở một số khía cạnh. Giá trị trung bình dao động 4,03-4,41. GV hoàn toàn đồng ý điểm đến DLTT> ở TP.HCM đa dạng, phong phú và thuận tiện (trung bình là = 4,41), Các món ăn truyền thống rất đặc biệt và ngon, độc đáo (có nghĩa là = 4, 30). GV đồng ý với chất lượng thực phẩm ở nhà hàng thì tốt (trung bình là = 4,11) và những tiêu chuẩn dịch vụ ở các nhà hàng thì tốt và nhân viên thì thân thiện và nhiệt tình (trung bình là = 4, 03).

Bảng 3. Ẩm thực

	Biến QS	N	Min	Max	Mean	Std.Dev.
Ẩm thực	CUIS1	355	1	5	4.41	.774
	CUIS2	355	1	5	4.30	.806
Điểm đến DLTT&GT	CUIS3	355	1	5	4.11	.725
	CUIS4	355	1	5	4.03	.823

4. Các hoạt động thể thao và vui chơi giải trí

Xu hướng chung, GV và người thân hài lòng với các hoạt động Thể thao và vui chơi giải trí địa điểm DLTT> ở TP.HCM. Theo kết quả, trung bình khoảng [3,48-3,77]. Đặc biệt, GV đồng ý các địa điểm trên tổ chức họp mặt, giao lưu và tổ chức các sự kiện thể thao rất thú vị (trung bình là = 3,77). Các địa điểm DLTT> ở TP.HCM hầu như là các điểm đến của thiên đường chăm sóc sức khỏe và làm đẹp như mát-xa, chăm sóc sắc đẹp, điều trị sức khỏe (trung bình là = 3,48). Điều rất được quan tâm ở các điểm đến của DLTT> tại TP.HCM có những hoạt động thú vị như các lớp học kỹ năng sống, nấu ăn, thể thao, sự kiện thể thao, chơi golf (trung bình là = 3,60). Kết quả này cho thấy rằng GV cảm thấy không thỏa mãn với giải trí, Thể Thao và du lịch tại các điểm đến DLTT> khác ở TP.HCM.

5. Tài chính

Các nhân tố tài chính được sử dụng để đo lường về việc đánh giá của GV đối với các giá chỗ ở, vận chuyển, thực phẩm và dịch vụ. Bảng dưới đây cho thấy rằng nói chung, giá các dịch vụ và hàng hóa được đánh giá khá, có thể chấp nhận được. Giá trị trung bình trong khoảng [3,87-4.26]. GV rất hài lòng với giá cả trong quá trình DLTT> tại các điểm đến ở TP.HCM.

Bảng 4. Tài chính

	Biến QS	N	Min	Max	Mean	Std.Dev
Tài chính	PRICE1	355	1	5	3.90	.919
	PRICE2	355	1	5	4.14	.759
	PRICE3	355	1	5	3.94	.850
	PRICE4	355	1	5	3.87	.792
	PRICE5	355	1	5	4.26	.776

6. An Ninh

Các nhóm nhân tố An toàn và an ninh nhằm mục đích đo lường sự đánh giá của GV đối với các khía cạnh an ninh điểm đến DLTT> ở TP.HCM có chính trị thì ổn định, nền kinh tế ổn định người tham gia được bảo vệ bởi luật pháp và nội quy. TP.HCM có tỷ lệ tội phạm thấp. GV tham gia du lịch không lo lắng về những cuộc khủng bố. Giá trị trung bình trong khoảng [3.04 - 3.68]. Đặc biệt, GV đồng ý các điểm đến DLTT> ở TP.HCM có môi trường chính trị ổn định (trung bình = 3.68). Khách được bảo vệ bởi luật pháp và nội quy (trung bình = 3.29). Điều này cũng phản ánh một trong những thế mạnh an toàn, an ninh ở TP.HCM. Ngược lại, nhiều khách du lịch là không hài lòng với TP.HCM có tỷ lệ tội phạm thấp. (trung bình = 3.04) có nghĩa là nhân tố này GV đánh giá trung bình, vì vậy TP.HCM cần sửa đổi, có những chính sách để giảm bớt nạn bán hàng rong, ăn xin, móc túi .v.v. Nói chung, du khách chưa hài lòng với hầu hết các khía cạnh của an toàn, an ninh ở TP.HCM, bảng 5 cho thấy các thống kê mô tả của an ninh.

Bảng 5. An toàn và an ninh

	Biến QS	N	Min	Max	Mean	Std.Dev.
An toàn và An ninh	SASE1	355	1	5	3.68	.897
	SASE2	355	1	5	3.41	.899
	SASE3	355	1	5	3.29	.941
	SASE4	355	1	5	3.04	1.023
	SASE5	355	1	5	3.05	1.556

7. Cơ sở vật chất

Bảng dưới đây minh họa 5 nhân tố cơ sở hạ tầng và công trình thể thao ở điểm đến DLTT> ở TP.HCM. Theo kết quả. Nói chung, Hầu hết GV đánh giá khá tốt về cơ sở hạ tầng và công trình thể thao với giá trị trung bình trong khoảng [3.28-3.95]. Khách đánh giá thấp biến khu vệ sinh và nhà tắm (trung bình là = 3, 28). Điều này cũng phản ánh một trong những vấn đề quan trọng nhất trong sự phát triển DLTT> của TP.HCM. Vì vậy, TP.HCM nói chung và DLTT> của thành phố nói riêng nên nâng cấp cơ sở hạ tầng về về điểm này để cải thiện những hệ thống thông tin hơn nữa để khách du lịch và DLTT> biết đến TP.HCM như là một thiên đường nghỉ ngơi và thư giãn, nhằm thu hút đối tượng khác đến với du lịch, thể thao và DLTT>.

Bảng 6. Cơ sở hạ tầng – công trình thể thao

	Biến QS	N	Min	Max	Mean	Std.Dev.
Cơ sở Hạ tầng	IA1	355	1	5	3.89	.920
	IA2	355	1	5	3.28	1.000
	IA3	355	1	5	3.84	.901
	IA4	355	1	5	3.63	.787
	IA5	355	1	5	3.95	.788

8. Những yếu tố trở ngại

Những yếu tố trở ngại được sử dụng để đo lường các quan điểm của đối tượng nghiên cứu GV đối với các mặt tiêu cực ở điểm đến DLTT> của du lịch ở TP.HCM. Kết quả từ bảng 7 trình bày rằng điểm đến DLTT> ở TP.HCM cần được cải thiện ở nhiều khía cạnh, giá trị trung bình dao động trong khoảng [3, 02-4, 03]. Khách du lịch hoàn toàn đồng ý “Hệ thống giao thông đông đúc và nguy hiểm” (trung bình là = 4, 03), “Không khí bị ô nhiễm” (trung bình là = 3,96), “Có nhiều bọ lừa đảo “ (trung bình là = 3,59) và “Thiếu các nhà vệ sinh công cộng” (trung bình là = 3,40). Đây là những vấn đề mà chính quyền địa phương nên xem xét.

Bảng 7. Những yếu tố trở ngại

	Biến QS	N	Min	Max	Mean	Std.Dev.
Những yếu tố trở ngại	NAT1	355	1	5	4.03	.965
	NAT2	355	1	5	3.96	.926
	NAT3	355	1	5	3.59	.942
	NAT4	355	1	5	3.60	1.049
	NAT5	355	1	5	3.51	1.131
	NAT6	355	1	5	3.40	1.083
	NAT7	355	1	5	3.15	1.247
	NAT8	355	1	5	3.02	1.231

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xác định rõ các yếu tố tác động đến ý định quay lại điểm đến DLTT> của GV tại một số Trường ĐHQG TP. HCM, bao gồm: học vấn, nơi cư trú, độ tuổi, số lần trải nghiệm và mục đích chuyến đi. Phân tích thống kê từ mẫu khảo sát cho thấy 74,6% GV đến lần đầu và 80,6% chọn mục đích nghỉ ngơi và thư giãn. Những người có trình độ sau đại học, đặc biệt là Giáo sư/ Phó giáo sư và Tiến sĩ, thể hiện xu hướng đến địa điểm DLTT> cao hơn, cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa học vấn và hành vi lặp lại. GV cư trú tại khu vực trung tâm đô thị cũng có tỷ lệ tham

gia cao hơn đáng kể so với các nhóm khác. Phân tích hồi quy cho thấy yếu tố “hoạt động tại điểm đến” là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định quay lại, tiếp theo là “môi trường tự nhiên – xã hội” và “âm thực địa phương”. Ngược lại, “khả năng tiếp cận” có tác động tiêu cực, cho thấy các rào cản về khoảng cách, giao thông hoặc sự bất tiện trong hành trình làm giảm sự hứng thú quay lại. Các yếu tố như tài chính, cơ sở hạ tầng, an ninh, giao thông hay hình ảnh điểm đến không ghi nhận tác động đáng kể về mặt thống kê.

Về lý luận, nghiên cứu đóng góp vào việc mở rộng lý thuyết hành vi du lịch đối với nhóm đối tượng trí thức – vốn chưa được nghiên cứu sâu. Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng khoa học hỗ trợ việc phát triển các sản phẩm DLTT> phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của nhóm GVĐH – một phân khúc khách hàng ổn định, có thu nhập và yêu cầu cao về chất lượng dịch vụ. Đồng thời, nghiên cứu góp phần định hướng chính sách chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho đội ngũ trí thức trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ajzen, I. (1991). The Theory of Planned Behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179–211.
- [2]. Chen, C. F., & Tsai, D. (2007). How destination image and evaluative factors affect behavioral intentions? *Tourism Management*, 28(4), 1115–1122.
- [3]. Kaplanidou, K., & Vogt, C. (2007). The interrelationship between sport event and destination image and sport tourists’ behaviors. *Journal of Sport & Tourism*, 12(3–4), 183–206.
- [4]. Nguyễn Văn Định (2017). Nghiên cứu hành vi khách du lịch nội địa tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, (6), 54–63.
- [5]. Nguyễn Thị Hồng Nhung & Trần Quang Hưng (2021). Ý định quay lại điểm đến du lịch: Tiếp cận từ mô hình hành vi tiêu dùng. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, (288), 82–89.
- [6]. Prayag, G., & Ryan, C. (2012). Antecedents of tourists’ loyalty to Mauritius: The role and influence of destination image, place attachment, personal involvement, and satisfaction. *Journal of Travel Research*, 51(3), 342–356.
- [7]. Zeithaml, V. A., Berry, L. L., & Parasuraman, A. (1996). The behavioral consequences of service quality. *Journal of Marketing*, 60(2), 31–46.

Bài nộp ngày 24/4/2025, phản biện ngày 09/12/2025, duyệt in ngày 25/12/2025